

Số: /QĐ - ĐHXDMT

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ đại học hệ chính quy  
theo các phương thức tuyển sinh năm 2026 (đợt 1)**

### HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

*Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐT ngày 03/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung; Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày 09/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;*

*Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/5/2026 của Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/6/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc kiện toàn thành viên Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-ĐHXDMT ngày 10/8/2026 của Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc công nhận điểm chuẩn trúng tuyển quy đối tương đương giữa các phương thức tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2026 (đợt 1);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ đại học hệ chính quy theo các phương thức tuyển sinh vào các ngành đào tạo năm 2026 (đợt 1) có tên sau đây:

*(Có tên trong danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Quyền hạn và trách nhiệm của thí sinh trúng tuyển được thực hiện trong Quy chế tuyển sinh hiện hành.

**Điều 3.** Hội đồng tuyển sinh, trưởng các đơn vị liên quan và thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Cổng TTĐT Trường (để thông báo);
- Lưu: VT, QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Phan Văn Huệ**

**TỔNG HỢP THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO NGÀNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026 (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số      /QĐ-ĐHXDMT ngày      tháng 8 năm 2026  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)*

| TT | Mã ngành         | Tên ngành đào tạo                       | Số lượng trúng tuyển |            |            |
|----|------------------|-----------------------------------------|----------------------|------------|------------|
|    |                  |                                         | Đắc Lắc              | Đà Nẵng    | Cộng       |
| 1  | 7340301          | Kế toán                                 | 22                   | 7          | 29         |
| 2  | 7340101          | Quản trị kinh doanh                     | 8                    | 20         | 28         |
| 3  | 7340201          | Tài chính - Ngân hàng                   | 14                   | 5          | 19         |
| 4  | 7340122          | Thương mại điện tử                      | 14                   | 4          | 18         |
| 5  | 7480201          | Công nghệ thông tin                     | 12                   | 25         | 37         |
| 6  | 7510605          | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng     | 18                   | 46         | 64         |
| 7  | 7510205          | Công nghệ kỹ thuật ô tô                 | 81                   | 68         | 149        |
| 8  | 7520216          | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá      | 38                   | 60         | 98         |
| 9  | 7580201          | Kỹ thuật xây dựng                       | 111                  | 74         | 185        |
| 10 | 7580205          | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 25                   | 24         | 49         |
| 11 | 7580213          | Kỹ thuật cấp thoát nước                 | 6                    | 1          | 7          |
| 12 | 7580301          | Kinh tế xây dựng                        | 25                   | 11         | 36         |
| 13 | 7580302          | Quản lý xây dựng                        | 13                   | 18         | 31         |
| 14 | 7580101          | Kiến trúc                               | 22                   | 16         | 38         |
| 15 | 7580103          | Kiến trúc nội thất                      | 8                    | 10         | 18         |
|    | <b>Tổng cộng</b> |                                         | <b>417</b>           | <b>389</b> | <b>806</b> |

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
THEO CÁC PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH NĂM 2026 - ĐỢT 1**

(Kèm theo Quyết định số      /QĐ-DHXDMT ngày      tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

| STT | Họ và tên                 | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|---------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ MỸ CHI         | 16/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DL    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X05        | 20.31            | TT                  |
| 2   | LÊ MAI LINH               | 18/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340101DL    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X26        | 19.94            | TT                  |
| 3   | ĐẶNG THỊ TRÀ MY           | 23/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DL    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X01        | 21.75            | TT                  |
| 4   | TRƯƠNG THỊ DIỄM MY        | 17/07/2006 |    | KV2 | PT200          | 7340101DL    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | C01        | 16.83            | TT                  |
| 5   | LÊ THỊ BÍCH NAM           | 24/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340101DL    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X56        | 22.22            | TT                  |
| 6   | NGUYỄN QUỲNH NHƯ          | 12/02/2007 |    | KV2 | PT200          | 7340101DL    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X06        | 20.42            | TT                  |
| 7   | NGUYỄN NHẬT THƯỜNG        | 15/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DL    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X56        | 18.33            | TT                  |
| 8   | HUỶNH NGỌC VŨ             | 11/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340101DL    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X05        | 20.42            | TT                  |
| 9   | NGUYỄN VĂN AN             | 15/01/2008 |    | KV3 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X02        | 17.92            | TT                  |
| 10  | NGÔ TRẦN ĐỨC ANH          | 05/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X06        | 20.42            | TT                  |
| 11  | NGUYỄN THỊ LAN ANH        | 29/07/2008 |    | 2NT | PT100          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X01        | 16.35            | TT                  |
| 12  | VÕ NGỌC BẢO CHUNG         | 25/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X01        | 17.89            | TT                  |
| 13  | TRƯƠNG NGUYỄN TÙNG CHUÔNG | 02/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X05        | 20.47            | TT                  |
| 14  | LƯƠNG AN DUY              | 10/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X26        | 19.28            | TT                  |
| 15  | HOÀNG PHẠM HẰNG           | 20/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X07        | 19.75            | TT                  |
| 16  | HỒ QUỲNH HƯƠNG            | 05/05/2008 |    | KV1 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X01        | 18.92            | TT                  |
| 17  | NGUYỄN THỊ TRÚC LINH      | 12/09/2007 |    | KV1 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X02        | 19.89            | TT                  |
| 18  | NGUYỄN TÂN DƯƠNG MINH     | 07/07/2007 |    | KV2 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | D07        | 20.94            | TT                  |
| 19  | TRẦN THỊ THANH NGỌC       | 12/12/2008 |    | KV3 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X06        | 20.39            | TT                  |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 20  | PHẠM BẢO NGỌC         | 13/02/2008 |    | KV3 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | C02        | 20.67            | TT                  |
| 21  | TRẦN VÕ MINH NGUYỄN   | 22/12/2008 |    | KV2 | PT100          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X01        | 18.25            | TT                  |
| 22  | TRẦN ANH SANG         | 26/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X05        | 20.22            | TT                  |
| 23  | HUỖNH VĂN SỸ          | 14/01/2008 |    | 2NT | PT100          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | C01        | 20.5             | TT                  |
| 24  | TRẦN VĂN TÀI          | 18/01/2008 | 5  | KV2 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X06        | 24.51            | TT                  |
| 25  | ĐỖ ÁI THI             | 20/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X01        | 16.97            | TT                  |
| 26  | TRẦN BÙI MINH THY     | 21/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X26        | 19.44            | TT                  |
| 27  | HUỖNH THỊ BÍCH TRUYỀN | 25/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X06        | 19.17            | TT                  |
| 28  | LÊ HUY VŨ             | 27/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340101DN    | 7340101              | Quản trị kinh doanh   | X06        | 20.26            | TT                  |
| 29  | ĐẶNG MINH CUÔNG       | 30/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X26        | 21.42            | TT                  |
| 30  | MAI THỊ ÁNH HÀO       | 14/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | A00        | 20.47            | TT                  |
| 31  | TRẦN BẢO NHẬT HIỀN    | 06/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X02        | 20.5             | TT                  |
| 32  | NGUYỄN ANH KIẾT       | 08/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X26        | 18.97            | TT                  |
| 33  | THỐI NGUYỄN KHA       | 23/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X26        | 19.36            | TT                  |
| 34  | HUỖNH THÁI KHANG      | 19/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X26        | 15.94            | TT                  |
| 35  | LÊ NGUYỄN THÀNH LÂM   | 12/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X26        | 21               | TT                  |
| 36  | NGUYỄN THỊ NHẬT LINH  | 12/01/2008 |    | KV3 | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X03        | 18.5             | TT                  |
| 37  | NGUYỄN TRÀ MY         | 23/05/2006 |    | KV2 | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X56        | 20.67            | TT                  |
| 38  | VÕ NGUYỄN THANH NGÂN  | 03/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X01        | 20.08            | TT                  |
| 39  | LÊ THỊ HỒNG NGỌC      | 12/05/2008 |    | KV2 | PT100          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | C01        | 19.35            | TT                  |
| 40  | NGUYỄN LÊ QUỲNH NHƯ   | 22/11/2006 |    | 2NT | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X56        | 17.96            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 41  | TRẦN THỊ HỒNG RẠNG     | 20/09/2008 |    | 2NT | PT100          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X01        | 18.5             | TT                  |
| 42  | MAI THANH VĂN          | 20/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340122DL    | 7340122              | Thương mại điện tử    | A00        | 21.17            | TT                  |
| 43  | DƯƠNG QUANG CƯỜNG      | 15/09/2008 |    | KV3 | PT200          | 7340122DN    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X26        | 21               | TT                  |
| 44  | PHAN ĐÌNH TƯỜNG LONG   | 29/10/2008 |    | KV3 | PT100          | 7340122DN    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X01        | 21.75            | TT                  |
| 45  | PHẠM ĐỨC PHÚC          | 26/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340122DN    | 7340122              | Thương mại điện tử    | A00        | 19               | TT                  |
| 46  | LÊ THỊ NHƯ Ý           | 19/04/2007 |    | 2NT | PT200          | 7340122DN    | 7340122              | Thương mại điện tử    | X27        | 16.86            | TT                  |
| 47  | HỒNG MỸ DUYÊN          | 24/07/2007 |    | 2NT | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X27        | 19.67            | TT                  |
| 48  | NGUYỄN XUÂN HOÀI       | 07/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X56        | 20.28            | TT                  |
| 49  | PHẠM THỊ TUYẾT KHUƠNG  | 14/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X01        | 18.14            | TT                  |
| 50  | TRẦN NGUYỄN KHÁNH LINH | 22/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X07        | 21.67            | TT                  |
| 51  | TRẦN MAI LINH          | 27/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X02        | 18.58            | TT                  |
| 52  | LA MO NÀNG             | 21/07/2005 | 5  | 2NT | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X02        | 16.03            | TT                  |
| 53  | BÙI ĐẶNG THẢO NGUYỄN   | 01/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X26        | 19.17            | TT                  |
| 54  | NGUYỄN THỊ ÁNH NHI     | 22/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | A00        | 20.75            | TT                  |
| 55  | NGUYỄN THỊ TƯỜNG QUY   | 15/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X56        | 21.89            | TT                  |
| 56  | NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH   | 30/10/2008 |    | KV3 | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | A00        | 18.33            | TT                  |
| 57  | TRẦN THANH TÂM         | 21/04/2008 |    | KV3 | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X56        | 20.72            | TT                  |
| 58  | TRẦN HIẾU THUẬN        | 05/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X06        | 23.41            | TT                  |
| 59  | LƯU NGUYỄN ANH THU     | 06/08/2008 | 6  | KV2 | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | D07        | 18.94            | TT                  |
| 60  | LÊ THỊ TRÚC VY         | 19/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340201DL    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X01        | 19.94            | TT                  |
| 61  | LÊ THỊ PHƯƠNG LINH     | 13/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340201DN    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X01        | 19.81            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 62  | LÊ THỊ TUYẾT LINH      | 12/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340201DN    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X01        | 18.86            | TT                  |
| 63  | NGUYỄN THỊ CẨM NGÂN    | 12/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340201DN    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | X06        | 18.89            | TT                  |
| 64  | NGUYỄN TẾ HOÀNG THANH  | 06/06/2005 |    | KV3 | PT200          | 7340201DN    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | D07        | 19.08            | TT                  |
| 65  | ĐẶNG THỊ THÙY TRANG    | 17/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340201DN    | 7340201              | Tài chính - Ngân hàng | C02        | 16.69            | TT                  |
| 66  | VÕ LÊ HOÀI ANH         | 19/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X01        | 19.5             | TT                  |
| 67  | PHAN MẠNH CUÔNG        | 21/06/2007 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X01        | 19               | TT                  |
| 68  | NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM   | 28/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X02        | 20.72            | TT                  |
| 69  | NGUYỄN THÙY DUYÊN      | 14/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X05        | 20.47            | TT                  |
| 70  | TRẦN MINH DƯƠNG        | 21/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | D07        | 20.19            | TT                  |
| 71  | TRƯƠNG TIẾN ĐẠI        | 17/01/2006 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X56        | 20.79            | TT                  |
| 72  | BÙI HẢI ĐĂNG           | 08/07/2007 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X06        | 19.47            | TT                  |
| 73  | PHAN ĐẶNG KIỀU HÂN     | 08/11/2007 |    | KV2 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X02        | 19.92            | TT                  |
| 74  | NGUYỄN TRỌNG HIẾU      | 18/11/2008 |    | 2NT | PT100          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | A00        | 20.85            | TT                  |
| 75  | LÊ THỊ KIM HUỆ         | 15/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X06        | 23.23            | TT                  |
| 76  | NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU   | 10/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X05        | 21.53            | TT                  |
| 77  | LÊ HUỲNH XUÂN KHÁNH    | 16/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | D01        | 18.83            | TT                  |
| 78  | NGUYỄN QUYÊN THANH LỢI | 29/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | A01        | 24.14            | TT                  |
| 79  | TRẦN THỊ THU MẶN       | 29/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X01        | 19.4             | TT                  |
| 80  | PHẠM TRÚC NHI          | 09/11/2005 |    | KV2 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | C02        | 16.44            | TT                  |
| 81  | NGUYỄN HUỲNH MINH TÂM  | 18/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X05        | 18.36            | TT                  |
| 82  | VÕ HỒNG CÁT TIÊN       | 29/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | D01        | 18.17            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 83  | NGUYỄN THỊ TÍNH      | 09/02/2008 |    | KV1 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | C02        | 18.36            | TT                  |
| 84  | TRẦN VÕ MINH THU     | 11/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X01        | 18.75            | TT                  |
| 85  | LƯƠNG VÕ THUY TRANG  | 21/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X56        | 22               | TT                  |
| 86  | NGÔ NGỌC ĐOAN TRANG  | 30/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | X01        | 17.08            | TT                  |
| 87  | NGUYỄN THỊ TÚ TRINH  | 21/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DL    | 7340301              | Kế toán               | C01        | 18.44            | TT                  |
| 88  | CHUNG PHƯƠNG DUNG    | 17/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DN    | 7340301              | Kế toán               | X07        | 23.09            | TT                  |
| 89  | NGUYỄN THỊ THANH HỌP | 01/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DN    | 7340301              | Kế toán               | X26        | 19.75            | TT                  |
| 90  | NGÔ THỊ NHƯ MAI      | 28/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DN    | 7340301              | Kế toán               | X02        | 18               | TT                  |
| 91  | NGUYỄN THỊ THANH TÂM | 10/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7340301DN    | 7340301              | Kế toán               | X06        | 19.19            | TT                  |
| 92  | VÕ THỊ NGỌC TIÊN     | 05/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DN    | 7340301              | Kế toán               | X56        | 20.13            | TT                  |
| 93  | NGUYỄN THỊ THU THUY  | 22/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7340301DN    | 7340301              | Kế toán               | X06        | 20.75            | TT                  |
| 94  | ĐẶNG THỊ Ý UYÊN      | 23/09/2007 |    | KV1 | PT200          | 7340301DN    | 7340301              | Kế toán               | X03        | 19.72            | TT                  |
| 95  | TRỊNH QUỐC BẢO       | 17/12/2007 |    | KV2 | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X06        | 20.44            | TT                  |
| 96  | LƯU THÀNH ĐẠT        | 13/08/2008 |    | KV1 | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | A00        | 22.36            | TT                  |
| 97  | PHẠM NGỌC QUỐC HUY   | 19/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X07        | 19.22            | TT                  |
| 98  | LÊ NGUYỄN KHANH      | 08/12/2007 |    | KV2 | PT100          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X26        | 21               | TT                  |
| 99  | LÊ NGUYỄN KHƯƠNG     | 17/11/2006 |    | KV2 | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X06        | 18.78            | TT                  |
| 100 | LÊ THỊ LỆ            | 20/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X06        | 20.89            | TT                  |
| 101 | PHAN TẤN LỘC         | 27/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X01        | 19.11            | TT                  |
| 102 | BÙI THẢO NGÂN        | 02/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | A01        | 17.25            | TT                  |
| 103 | LÊ VŨ THẢO PHƯƠNG    | 13/08/2008 |    | KV2 | PT100          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | D01        | 21.5             | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 104 | TRẦN DƯƠNG THI         | 17/10/2003 |    | 2NT | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X27        | 18.82            | TT                  |
| 105 | ĐẶNG PHÚC HOÀNG THÔNG  | 30/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | A00        | 21.31            | TT                  |
| 106 | VŨ PHẠM MINH TRÍ       | 15/06/2008 |    | KV3 | PT200          | 7480201DL    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X01        | 19.58            | TT                  |
| 107 | CAO TRẦN THUY AN       | 15/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X26        | 19.47            | TT                  |
| 108 | NGUYỄN HUỖNH TUẤN ANH  | 09/07/2008 |    | KV1 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X01        | 18.36            | TT                  |
| 109 | NGUYỄN VĂN BÌNH        | 18/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X26        | 20.42            | TT                  |
| 110 | LÊ QUANG MẠNH CƯỜNG    | 27/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X06        | 18.11            | TT                  |
| 111 | NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU    | 26/11/2008 |    | KV2 | PT100          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X01        | 19.75            | TT                  |
| 112 | NGUYỄN TIẾN DŨNG       | 26/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X56        | 18.33            | TT                  |
| 113 | TRẦN TUẤN DŨNG         | 31/05/2008 |    | 2NT | PT100          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X01        | 17.2             | TT                  |
| 114 | NGUYỄN XUÂN HUY ĐẠT    | 14/09/2007 |    | KV3 | PT100          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X02        | 19.25            | TT                  |
| 115 | VŨ CÔNG HÒA            | 31/10/2008 |    | KV1 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | D01        | 20.42            | TT                  |
| 116 | NGUYỄN HUY HOÀNG       | 03/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X26        | 20.39            | TT                  |
| 117 | NGUYỄN HUY HOÀNG       | 16/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X06        | 20.17            | TT                  |
| 118 | NGUYỄN VĂN TRỌNG HOÀNG | 17/11/2008 |    | KV3 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X06        | 19.25            | TT                  |
| 119 | LÊ NGUYỄN CÔNG HY      | 02/07/2008 |    | KV3 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X27        | 20.36            | TT                  |
| 120 | TRƯƠNG HOÀNG KHANG     | 01/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X06        | 19.56            | TT                  |
| 121 | ĐẶNG BẢO LONG          | 14/07/2008 |    | KV3 | PT100          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | D01        | 19.75            | TT                  |
| 122 | TRỊNH NGỌC BẢO LONG    | 04/12/2008 |    | KV3 | PT100          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | C02        | 18.25            | TT                  |
| 123 | HỒ ĐẶNG THẢO MY        | 14/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X07        | 19.72            | TT                  |
| 124 | VÕ HOÀNG MINH NGUYỄN   | 05/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin   | X26        | 17.17            | TT                  |

| STT | Họ và tên               | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 125 | VÕ HÀ THANH NGUYỄN      | 14/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin     | X56        | 16.97            | TT                  |
| 126 | NGUYỄN VIỆT PHI         | 05/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin     | X01        | 17.89            | TT                  |
| 127 | NGUYỄN VĂN TÀI          | 20/04/2008 |    | KV2 | PT100          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin     | X02        | 17.85            | TT                  |
| 128 | NGUYỄN QUANG TIẾN       | 20/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin     | X56        | 17.14            | TT                  |
| 129 | NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN  | 19/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin     | X56        | 20.53            | TT                  |
| 130 | NGUYỄN ĐOÀN NGỌC TRƯỜNG | 28/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin     | X56        | 19.39            | TT                  |
| 131 | NGUYỄN TRẦN VƯƠNG       | 08/12/2007 |    | KV2 | PT200          | 7480201DN    | 7480201              | Công nghệ thông tin     | X07        | 21.72            | TT                  |
| 132 | PHAN THÀNH AN           | 03/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 17.61            | TT                  |
| 133 | LÊ ĐĂNG QUỐC AN         | 13/08/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 21.86            | TT                  |
| 134 | ĐẶNG LÊ TUẤN ANH        | 02/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X07        | 21.47            | TT                  |
| 135 | MAI VIỆT ANH            | 25/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X07        | 20.22            | TT                  |
| 136 | TRỊNH XUÂN BÁCH         | 03/05/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 19.36            | TT                  |
| 137 | NGUYỄN CHÍ BẢO          | 04/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | D07        | 20.42            | TT                  |
| 138 | LÊ NGUYỄN TẤN BÔN       | 08/09/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 21.5             | TT                  |
| 139 | NÔNG HOÀN CHƯỚC         | 17/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 17.86            | TT                  |
| 140 | NGUYỄN QUỐC DÂN         | 13/02/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 20.11            | TT                  |
| 141 | NGUYỄN QUỐC DŨNG        | 01/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 19.42            | TT                  |
| 142 | VÕ THANH DUY            | 01/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 21.64            | TT                  |
| 143 | NGUYỄN VŨ TRƯỜNG DUY    | 20/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | D07        | 19.19            | TT                  |
| 144 | HUỶNH ĐỨC DUY           | 30/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 18.69            | TT                  |
| 145 | NGUYỄN VĂN DUY          | 17/04/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 19.44            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 146 | TRẦN TẤN DUY           | 19/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X07        | 22.94            | TT                  |
| 147 | ĐINH TẤN DUY           | 17/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 20.56            | TT                  |
| 148 | NGUYỄN TRƯỞNG THÁI ĐAM | 20/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 20.17            | TT                  |
| 149 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT        | 13/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 19.49            | TT                  |
| 150 | NGUYỄN PHẠM GIA ĐẠT    | 10/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 18.56            | TT                  |
| 151 | VÕ THẾ ĐẠT             | 06/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 19.11            | TT                  |
| 152 | NGUYỄN PHAN HUỲNH ĐỨC  | 27/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 20.5             | TT                  |
| 153 | PHẠM CÔNG ĐỨC          | 06/04/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 19.75            | TT                  |
| 154 | NGUYỄN XUÂN HẢI        | 20/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 19.69            | TT                  |
| 155 | SỬ GIA HẢO             | 24/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 21.92            | TT                  |
| 156 | DƯƠNG PHÚC HẬU         | 05/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 17.47            | TT                  |
| 157 | NGUYỄN TẤN MINH HIỀN   | 02/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X27        | 20.44            | TT                  |
| 158 | PHAN NGỌC HIỂU         | 06/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 19.31            | TT                  |
| 159 | TRẦN BÌNH HOÀNG        | 10/02/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 21.25            | TT                  |
| 160 | LÊ THANH HOÀNG         | 19/08/2007 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 20.97            | TT                  |
| 161 | HỒ HUY HOÀNG           | 27/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 20.08            | TT                  |
| 162 | TRẦN MINH HOÀNG        | 27/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 19               | TT                  |
| 163 | NGUYỄN DUY HOÀNG       | 04/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 21.39            | TT                  |
| 164 | HUỲNH TRẦN GIA HUY     | 01/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 20.72            | TT                  |
| 165 | RMAH NAY GIA HUY       | 16/03/2007 | 1  | KV1 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 18.33            | TT                  |
| 166 | PHAN GIA HUY           | 09/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 17               | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 167 | PHẠM THÀNH HUY       | 25/08/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 16.25            | TT                  |
| 168 | CAO QUỐC HUY         | 28/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 19.11            | TT                  |
| 169 | NGUYỄN PHẠM GIA HUY  | 13/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 19.5             | TT                  |
| 170 | LÊ TRỌNG HÙNG        | 14/10/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 20.17            | TT                  |
| 171 | BÙI VĂN HÙNG         | 18/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X07        | 18.31            | TT                  |
| 172 | NGUYỄN TRỌNG HỮU     | 27/02/2007 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 16.28            | TT                  |
| 173 | CAO ANH KIẾT         | 13/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 20.22            | TT                  |
| 174 | PHAN TRỌNG KHẢI      | 09/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 17.81            | TT                  |
| 175 | HUỲNH LÂM NHẬT KHANG | 26/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 18.47            | TT                  |
| 176 | VÕ NGUYỄN KHÁNH      | 02/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 18.67            | TT                  |
| 177 | NGUYỄN VĂN KHÁNH     | 08/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 17.11            | TT                  |
| 178 | NGUYỄN VIỆT KHÁNH    | 25/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 20.67            | TT                  |
| 179 | PHẠM HOÀNG LÂM       | 22/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 19.39            | TT                  |
| 180 | NGUYỄN NGỌC LÂM      | 06/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | D07        | 19.08            | TT                  |
| 181 | NGUYỄN NHẬT NAM      | 28/06/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 21.56            | TT                  |
| 182 | PHẠM ĐOÀN BẢO NAM    | 22/11/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 20.53            | TT                  |
| 183 | NGUYỄN TUẤN NGỌC     | 07/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 15.67            | TT                  |
| 184 | NGUYỄN THANH NGỌC    | 30/10/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 15.1             | TT                  |
| 185 | TRƯƠNG VĂN MINH NHẬT | 25/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X07        | 19.14            | TT                  |
| 186 | LÊ ANH NHÍ           | 25/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 20.03            | TT                  |
| 187 | BÙI HOÀNG PHI        | 06/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 18.33            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 188 | LƯU KIỀU HỮU PHÚ       | 18/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X27        | 18.31            | TT                  |
| 189 | NGUYỄN ĐĂNG QUANG      | 31/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 18.44            | TT                  |
| 190 | DƯƠNG NGUYỄN ANH QUÂN  | 23/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 16.31            | TT                  |
| 191 | NGUYỄN PHẠM HOÀNG QUÂN | 14/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 19.5             | TT                  |
| 192 | NGUYỄN TẤN QUỐC        | 29/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 18.19            | TT                  |
| 193 | NGUYỄN TẤN SAN         | 16/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 20               | TT                  |
| 194 | NGUYỄN VĂN THANH SƠN   | 07/03/2008 |    | KV3 | PT100          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 21.6             | TT                  |
| 195 | TRẦN XUÂN TÂM          | 22/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 17.29            | TT                  |
| 196 | LÊ NGUYỄN TÂN          | 24/03/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 17.92            | TT                  |
| 197 | LÊ ĐỨC TIẾN            | 10/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 16.75            | TT                  |
| 198 | HUỖNH XUÂN TÍN         | 15/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 17.19            | TT                  |
| 199 | TRẦN ANH TUẤN          | 05/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 19.39            | TT                  |
| 200 | NGUYỄN LÊ ANH TÚ       | 29/09/2007 |    | KV1 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 17.31            | TT                  |
| 201 | CAO VĂN THÁI           | 14/12/2007 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 19.03            | TT                  |
| 202 | LƯƠNG NHẬT THANH       | 08/05/2008 | 1  | KV1 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 21.78            | TT                  |
| 203 | NGUYỄN TẤN THIÊN       | 22/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 20.75            | TT                  |
| 204 | TÔN THẮT THỊNH         | 26/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 18.31            | TT                  |
| 205 | NGUYỄN PHÚ THỊNH       | 09/10/2008 |    | KV3 | PT100          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 18.5             | TT                  |
| 206 | VÕ HOÀI THỨC           | 11/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 18.42            | TT                  |
| 207 | TRẦN MINH TRỌNG        | 19/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 18.92            | TT                  |
| 208 | HUỖNH VĂN TRUNG        | 10/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 20.31            | TT                  |

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|---------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 209 | LÊ QUANG VINH       | 02/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 19.56            | TT                  |
| 210 | TRẦN KHÁNH VINH     | 13/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | D01        | 18.83            | TT                  |
| 211 | VÕ HOÀNG VŨ         | 09/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 18.39            | TT                  |
| 212 | PHAN QUỐC VŨ        | 28/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DL    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 21.36            | TT                  |
| 213 | LÊ BẢO AN           | 22/11/2008 | 1  | KV1 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 19.5             | TT                  |
| 214 | NGUYỄN DUY GIA BẢO  | 11/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 18.22            | TT                  |
| 215 | LÊ QUỐC CƯỜNG       | 03/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 18.69            | TT                  |
| 216 | MAI VĂN CHUÔNG      | 10/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 19.11            | TT                  |
| 217 | PHÙNG MINH DŨNG     | 10/08/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 18.85            | TT                  |
| 218 | ĐÀM VĂN DUY         | 07/05/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 18               | TT                  |
| 219 | NGUYỄN ĐẮC THÁI ĐẠT | 24/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 19.75            | TT                  |
| 220 | PHẠM VĂN ĐẠT        | 08/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 21.56            | TT                  |
| 221 | LÊ VĂN TIỀN ĐẠT     | 22/07/2008 |    | KV3 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | D01        | 18               | TT                  |
| 222 | VŨ LÊ HẢI           | 24/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 15.61            | TT                  |
| 223 | ĐẶNG ĐỨC HẢO        | 02/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 19.69            | TT                  |
| 224 | NGUYỄN VĂN HẬU      | 12/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 19.92            | TT                  |
| 225 | TRẦN PHAN MINH HIẾU | 26/01/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 19.31            | TT                  |
| 226 | LÊ ANH HIẾU         | 10/01/2007 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 20.31            | TT                  |
| 227 | NGUYỄN NGỌC HIẾU    | 03/12/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 17.5             | TT                  |
| 228 | LÊ MINH HIẾU        | 17/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C02        | 20.58            | TT                  |
| 229 | NGUYỄN MINH HOÀI    | 03/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 18               | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 230 | THÁI VIẾT HOÀNG      | 09/06/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 17.75            | TT                  |
| 231 | TRẦN MẠNH HÙNG       | 14/04/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 17.97            | TT                  |
| 232 | PHAN ĐỨC HUY         | 19/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 20.42            | TT                  |
| 233 | NGUYỄN MINH HÙNG     | 21/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 18.08            | TT                  |
| 234 | NGUYỄN VĂN KIẾT      | 19/03/2007 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 18.61            | TT                  |
| 235 | NGUYỄN HOÀNG KHẢI    | 06/12/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 17.35            | TT                  |
| 236 | LÊ NGUYỄN KHANG      | 29/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X01        | 17.56            | TT                  |
| 237 | VÕ TRẦN CHÍ KHANG    | 09/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | D01        | 16.78            | TT                  |
| 238 | NGUYỄN HUY KHÁNH     | 08/10/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 19.25            | TT                  |
| 239 | NGUYỄN NAM KHÁNH     | 16/06/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X02        | 17.94            | TT                  |
| 240 | NGUYỄN DUY LÂM       | 11/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 17.47            | TT                  |
| 241 | TÔ ĐẠI LỘC           | 18/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 19.94            | TT                  |
| 242 | MAI XUÂN LỘC         | 10/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 18.08            | TT                  |
| 243 | NGUYỄN TƯ ĐỨC MẠNH   | 21/02/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X07        | 19.08            | TT                  |
| 244 | NGUYỄN QUANG MINH    | 28/07/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 17.25            | TT                  |
| 245 | PHẠM LÊ MINH         | 14/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 16.89            | TT                  |
| 246 | NGUYỄN DUY MINH      | 15/09/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X07        | 19.56            | TT                  |
| 247 | NGUYỄN TSÈN KIỀU MY  | 03/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X56        | 19.61            | TT                  |
| 248 | NGUYỄN VÕ KHẢI NAM   | 15/11/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 17.2             | TT                  |
| 249 | VÕ NGHĨA             | 12/06/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 18.75            | TT                  |
| 250 | TRƯƠNG ĐẠI QUỐC NHÂN | 25/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 17.78            | TT                  |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 251 | NGUYỄN CÔNG NHỎ       | 05/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X07        | 19.33            | TT                  |
| 252 | CAO NGỌC PHÚC         | 24/11/2008 |    | KV1 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 17.6             | TT                  |
| 253 | NGUYỄN VĂN PHÚC       | 03/05/2007 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 20.1             | TT                  |
| 254 | ĐỖ VIỆT PHƯƠNG        | 14/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 17.61            | TT                  |
| 255 | TRẦN MINH QUANG       | 23/02/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 19.75            | TT                  |
| 256 | TRƯƠNG LONG QUÂN      | 01/11/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 17.5             | TT                  |
| 257 | LÊ MINH QUÂN          | 16/01/2006 |    | KV3 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 17.28            | TT                  |
| 258 | LÊ NGUYỄN CHÍ QUỐC    | 15/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 17.86            | TT                  |
| 259 | NGUYỄN VĂN ANH QUỐC   | 11/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 20.06            | TT                  |
| 260 | VÕ BẢO QUỐC           | 23/01/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 18.6             | TT                  |
| 261 | MAI XUÂN SÂM          | 11/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A01        | 17.61            | TT                  |
| 262 | LÊ HÙNG SƠN           | 28/03/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X03        | 19.78            | TT                  |
| 263 | NGUYỄN MINH SƠN       | 22/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X05        | 18.47            | TT                  |
| 264 | TẠ ĐỨC TÀI            | 27/03/2008 |    | KV1 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 19.75            | TT                  |
| 265 | NGUYỄN TUẤN TÀI       | 03/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 19.53            | TT                  |
| 266 | NGUYỄN NGỌC TÀI       | 03/02/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 18.75            | TT                  |
| 267 | LÊ VĂN TIẾN           | 14/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X06        | 19.08            | TT                  |
| 268 | NGÔ TRƯỜNG TOÀN       | 22/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X07        | 21.33            | TT                  |
| 269 | ĐINH TUẤN TÚ          | 27/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X26        | 17.61            | TT                  |
| 270 | HUỖNH NGUYỄN ANH TUẤN | 09/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | A00        | 21               | TT                  |
| 271 | HUỖNH THANH TÙNG      | 18/01/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô | C01        | 15.95            | TT                  |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển               | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 272 | NGUYỄN VĂN THẮNG      | 18/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | X01        | 17.97            | TT                  |
| 273 | NGUYỄN TẤN THIÊN      | 26/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | X56        | 20.44            | TT                  |
| 274 | NGUYỄN ĐÌNH THIÊN     | 17/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | X05        | 18.92            | TT                  |
| 275 | LÊ ĐỨC TRÍ            | 15/06/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | C01        | 18.86            | TT                  |
| 276 | PHAN TRẦN BÌNH TRỌNG  | 25/11/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | X03        | 17.5             | TT                  |
| 277 | ĐẶNG CHÂU THÀNH TRUNG | 12/10/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | X27        | 17.83            | TT                  |
| 278 | NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG    | 17/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | X06        | 17.58            | TT                  |
| 279 | LÊ ĐÌNH VIỆT          | 20/10/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | X07        | 19.58            | TT                  |
| 280 | NGÔ ĐOÀN VINH         | 04/02/2008 |    | KV3 | PT100          | 7510205DN    | 7510205              | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | A00        | 19.1             | TT                  |
| 281 | NGUYỄN PHẠM QUỲNH ANH | 14/02/2007 |    | KV1 | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | D01        | 19.86            | TT                  |
| 282 | PHẠM NGỌC TRÂM ANH    | 15/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X05        | 19.47            | TT                  |
| 283 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH | 15/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C02        | 20.5             | TT                  |
| 284 | TRỊNH QUỐC ĐẠT        | 12/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X06        | 18.94            | TT                  |
| 285 | NGUYỄN ĐỖ ĐOAN HỢP    | 21/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 19.25            | TT                  |
| 286 | TRẦN THỊ THU HUYỀN    | 10/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 21.19            | TT                  |
| 287 | NGUYỄN THỊ KIM KHA    | 31/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X26        | 20.58            | TT                  |
| 288 | NGUYỄN THỊ HUYỀN LINH | 21/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X03        | 22.53            | TT                  |
| 289 | LÊ THỊ ÁI MY          | 04/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 19.19            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển               | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 290 | LÊ THỊ VÂN NHI       | 08/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 19.58            | TT                  |
| 291 | NGUYỄN PHƯƠNG NHI    | 17/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 18.19            | TT                  |
| 292 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG    | 13/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X02        | 20.67            | TT                  |
| 293 | TRẦN CHÍ TÀI         | 28/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X26        | 18.83            | TT                  |
| 294 | NGUYỄN PHẠM BẢO TRÂN | 20/09/2007 |    | KV1 | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X26        | 18.44            | TT                  |
| 295 | VÕ NHỰT KHẮC TRÌNH   | 10/02/2006 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X56        | 17.94            | TT                  |
| 296 | NGUYỄN THANH TRÚC    | 02/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C02        | 16.58            | TT                  |
| 297 | NGUYỄN VĂN VƯƠNG     | 22/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 18.25            | TT                  |
| 298 | PHẠM KIỀU VƯƠNG      | 13/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DL    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C02        | 17.78            | TT                  |
| 299 | NGUYỄN QUANG ANH     | 29/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C01        | 18.5             | TT                  |
| 300 | NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH  | 29/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X05        | 19.97            | TT                  |
| 301 | TRƯƠNG THÁI BẢO      | 30/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X02        | 22               | TT                  |
| 302 | NGÔ HỒNG CHÂU        | 04/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 20.14            | TT                  |
| 303 | HUỖNH THỊ THÙY DƯƠNG | 15/06/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 19.19            | TT                  |
| 304 | BÙI HY ĐẠT           | 14/10/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A01        | 16.47            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển               | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 305 | NGUYỄN VĂN ĐỨC         | 22/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 19               | TT                  |
| 306 | NGUYỄN THỊ THANH HẰNG  | 13/05/2007 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X02        | 20.89            | TT                  |
| 307 | TRỊNH KIM HỘP          | 17/03/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C01        | 19               | TT                  |
| 308 | NGUYỄN LÊ MINH HUY     | 29/10/2008 |    | KV3 | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 16.6             | TT                  |
| 309 | PHẠM PHÚC HÙNG         | 27/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C02        | 17.72            | TT                  |
| 310 | NGUYỄN HỒNG KIỆU       | 22/06/2008 |    | KV2 | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C01        | 20.25            | TT                  |
| 311 | ĐOÀN LÊ ĐĂNG KHOA      | 23/12/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X07        | 19.28            | TT                  |
| 312 | NGUYỄN THỊ NHƯ' LIỄU   | 11/09/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A00        | 20.44            | TT                  |
| 313 | NGUYỄN HOÀNG LINH      | 04/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A00        | 17.44            | TT                  |
| 314 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH | 14/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A01        | 20.11            | TT                  |
| 315 | NGUYỄN BÙI CẨM LY      | 22/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X07        | 20.44            | TT                  |
| 316 | PHAN PHÙNG ĐẮC MINH    | 09/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X06        | 23.8             | TT                  |
| 317 | ÔNG THỊ HUYỀN MY       | 10/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X56        | 18.67            | TT                  |
| 318 | NGÔ GIA NGHĨA          | 21/07/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 18               | TT                  |
| 319 | TRẦN HÒA NGHĨA         | 14/08/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 17.44            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển               | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 320 | LÊ CHÂU BẢO NGỌC       | 13/10/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C01        | 19.85            | TT                  |
| 321 | NGUYỄN THỊ NHƯ' NGUYỆT | 17/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X26        | 21.53            | TT                  |
| 322 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI     | 04/01/2007 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X02        | 20.97            | TT                  |
| 323 | ĐOÀN PHẠM NGỌC NHI     | 29/01/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C02        | 19               | TT                  |
| 324 | NGUYỄN CAO PHÁT        | 22/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A00        | 19.83            | TT                  |
| 325 | TRẦN VIỆT BẢO PHÚC     | 10/07/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C02        | 21.03            | TT                  |
| 326 | NGUYỄN THỊ TÚ QUYÊN    | 27/01/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X06        | 21.61            | TT                  |
| 327 | VÕ MINH NHẬT TÂN       | 15/11/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 17.06            | TT                  |
| 328 | DƯƠNG VĂN THANH TÂN    | 23/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X05        | 17.67            | TT                  |
| 329 | PHẠM THỊ THỦY TIÊN     | 13/01/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C01        | 17.1             | TT                  |
| 330 | NGUYỄN MẠNH TIẾN       | 15/02/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A00        | 22.69            | TT                  |
| 331 | TRẦN TRUNG TÍN         | 24/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X05        | 18               | TT                  |
| 332 | HUỖNH ANH TÚ           | 30/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X27        | 19.97            | TT                  |
| 333 | NGUYỄN PHI TÙNG        | 27/07/2008 |    | KV1 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C01        | 17.39            | TT                  |
| 334 | NGUYỄN VĂN TÙNG        | 15/01/2008 |    | KV3 | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A00        | 21               | TT                  |

| STT | Họ và tên               | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển               | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 335 | LÊ THỊ THANH TUYÊN      | 10/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X02        | 20.44            | TT                  |
| 336 | TRẦN GIA TƯỜNG          | 19/04/2008 |    | KV3 | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | C02        | 17.25            | TT                  |
| 337 | NGUYỄN PHÚC NGUYỄN THẢO | 25/01/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X26        | 19.58            | TT                  |
| 338 | VÕ TRƯỜNG THỊNH         | 04/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X26        | 21.11            | TT                  |
| 339 | NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG  | 07/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X02        | 21.31            | TT                  |
| 340 | TRỊNH VÕ QUỲNH TRANG    | 31/10/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X03        | 19.42            | TT                  |
| 341 | LÊ ĐÌNH MINH TRÍ        | 07/06/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 20.85            | TT                  |
| 342 | VÕ NGUYỄN HOÀN VŨ       | 10/11/2008 |    | KV3 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A00        | 22.31            | TT                  |
| 343 | ĐỖ THỊ KIỀU VY          | 06/02/2008 |    | 2NT | PT100          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X01        | 23.7             | TT                  |
| 344 | PHẠM THỊ THẢO VY        | 17/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7510605DN    | 7510605              | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | X06        | 16.08            | TT                  |
| 345 | LƯƠNG GIA BẢO           | 16/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá  | X01        | 18.08            | TT                  |
| 346 | PHAN VÕ QUỐC BÌNH       | 18/03/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá  | C01        | 19               | TT                  |
| 347 | NGUYỄN TIẾN DŨNG        | 09/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá  | A00        | 20.42            | TT                  |
| 348 | NGUYỄN TẤN BÌNH DƯƠNG   | 14/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá  | X02        | 18.72            | TT                  |
| 349 | HÀ CÔNG ĐẠT             | 14/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá  | X01        | 19.47            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển              | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 350 | NGUYỄN TẤN ĐẠT         | 13/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 18.22            | TT                  |
| 351 | ĐẶNG LÊ VIỆT ĐĂNG      | 22/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | D07        | 21.08            | TT                  |
| 352 | NGUYỄN NAM GIANG       | 15/10/2008 |    | KV1 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 20.22            | TT                  |
| 353 | NGUYỄN HOÀNG HẢI       | 07/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 20.75            | TT                  |
| 354 | NGUYỄN HOÀNG MINH HIẾU | 25/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 18.22            | TT                  |
| 355 | HUỖNH MINH HIẾU        | 08/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X05        | 21.86            | TT                  |
| 356 | NGUYỄN HUY HOÀNG       | 04/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X26        | 18.75            | TT                  |
| 357 | PHẠM DUY HOÀNG         | 02/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X56        | 20.36            | TT                  |
| 358 | NGUYỄN PHẠM GIA HUY    | 22/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 21.11            | TT                  |
| 359 | NGUYỄN KHANG HUY       | 10/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X56        | 20.69            | TT                  |
| 360 | PHẠM VỸ KHA            | 26/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 18.67            | TT                  |
| 361 | PHẠM NGỌC KHÔI         | 17/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 19.81            | TT                  |
| 362 | NGUYỄN VĂN LÂM         | 13/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | D07        | 21.64            | TT                  |
| 363 | NGUYỄN NHẤT NAM        | 16/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X26        | 18.89            | TT                  |
| 364 | PHAN XUÂN NGÂN         | 27/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X05        | 19.42            | TT                  |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển              | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 365 | LÊ XUÂN NGUYỄN        | 06/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 19.03            | TT                  |
| 366 | LÊ THÀNH NHÂN         | 20/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 22.97            | TT                  |
| 367 | NGUYỄN HỒNG QUÂN      | 09/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 17.64            | TT                  |
| 368 | NGUYỄN TRỌNG TÍN      | 19/02/2004 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 22.14            | TT                  |
| 369 | PHẠM HÙNG TÍN         | 24/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 19.92            | TT                  |
| 370 | NGUYỄN VĂN TÍNH       | 14/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 17.08            | TT                  |
| 371 | NGUYỄN TRỌNG TOẠI     | 09/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 17.25            | TT                  |
| 372 | TẠ NHẬT TÙNG          | 21/04/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 20.5             | TT                  |
| 373 | ĐẶNG HOÀNG TRÍ THANH  | 08/11/2008 |    | KV1 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 19.67            | TT                  |
| 374 | HỒ VĂN THẠNH          | 29/07/2008 |    | KV1 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 19.19            | TT                  |
| 375 | NGUYỄN VĂN THẢO       | 15/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X56        | 18.42            | TT                  |
| 376 | ĐÀO VĂN THUẬN         | 24/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X05        | 18.78            | TT                  |
| 377 | NGUYỄN QUỐC TRÍ       | 02/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 20.17            | TT                  |
| 378 | VÕ TRẦN NGUYỄN TRƯỜNG | 02/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 21.5             | TT                  |
| 379 | HÀ XUÂN VIỆT          | 03/06/2008 |    | KV1 | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 20.14            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển              | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 380 | NGUYỄN QUỐC VINH     | 31/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 15.97            | TT                  |
| 381 | HOÀNG VŨ             | 02/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 17.03            | TT                  |
| 382 | LÊ VĂN CHÍ VỸ        | 02/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DL    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 17.19            | TT                  |
| 383 | VƯƠNG PHAN QUỐC AN   | 18/01/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 18.1             | TT                  |
| 384 | LÊ PHẠM ANH          | 16/10/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 18.6             | TT                  |
| 385 | NGUYỄN VIỆT ANH      | 12/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 16.25            | TT                  |
| 386 | LÂM VĂN BÁ           | 11/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X07        | 16.78            | TT                  |
| 387 | DƯƠNG ĐÌNH BẢO       | 22/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X26        | 15.89            | TT                  |
| 388 | BÙI MINH BẢO         | 13/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C02        | 20.25            | TT                  |
| 389 | NGUYỄN HUY CƯỜNG     | 22/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X07        | 21.78            | TT                  |
| 390 | LÊ THÀNH DANH        | 08/03/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 19.75            | TT                  |
| 391 | NGUYỄN VĂN DŨNG      | 27/03/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 21.25            | TT                  |
| 392 | LÊ THANH DUY         | 22/03/2008 |    | KV3 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 18.6             | TT                  |
| 393 | VĂN QUÝ DUY          | 30/07/2008 |    | KV3 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 16.64            | TT                  |
| 394 | ĐẶNG CÔNG NHẬT DƯƠNG | 04/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X56        | 18               | TT                  |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển              | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 395 | TRẦN VĂN ĐẠI          | 31/10/2008 |    | KV2 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 17.85            | TT                  |
| 396 | PHẠM VĂN CÔNG ĐẠT     | 25/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 21.36            | TT                  |
| 397 | NGUYỄN XUÂN ĐẠT       | 17/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 17.78            | TT                  |
| 398 | PHAN TỊNH NGUYỄN ĐĂNG | 27/08/2008 |    | KV3 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 18.25            | TT                  |
| 399 | VÕ NGỌC HÀO           | 10/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X56        | 20.69            | TT                  |
| 400 | TRẦN CẨM HẰNG         | 16/10/2008 |    | KV2 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 18.6             | TT                  |
| 401 | HUỖNH XUÂN HIẾU       | 22/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C02        | 16.81            | TT                  |
| 402 | TRẦN VĂN HOÀNG        | 07/11/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 21.5             | TT                  |
| 403 | PHẠM TẤN HOÀNG        | 12/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 18.31            | TT                  |
| 404 | PHẠM TUẤN HOÀNG       | 20/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X26        | 19.75            | TT                  |
| 405 | HỒ HUY HOÀNG          | 02/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X26        | 20.86            | TT                  |
| 406 | NGÔ GIA HUY           | 05/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X07        | 17.78            | TT                  |
| 407 | ĐẶNG NGUYỄN GIA HUY   | 30/07/2008 |    | KV3 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 21.56            | TT                  |
| 408 | HOÀNG TRUNG KIÊN      | 28/01/2008 | 1  | KV1 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C02        | 20               | TT                  |
| 409 | TRẦN ANH KIẾT         | 05/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 16.75            | TT                  |

| STT | Họ và tên               | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển              | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 410 | PHẠM NAM KHA            | 25/06/2006 |    | KV3 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 18.97            | TT                  |
| 411 | LÊ HỒ THIÊN KHA         | 05/03/2008 |    | KV2 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 20.75            | TT                  |
| 412 | HỒ QUỐC KHÁNH           | 29/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X26        | 17.39            | TT                  |
| 413 | NGUYỄN ANH KHOA         | 14/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A01        | 16.64            | TT                  |
| 414 | NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN     | 12/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 19.67            | TT                  |
| 415 | NGUYỄN HOÀNG MINH NHẬT  | 07/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X07        | 19.72            | TT                  |
| 416 | NGUYỄN HUỖNH XUÂN QUANG | 21/03/2008 |    | KV1 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 19.69            | TT                  |
| 417 | TRẦN MINH QUÂN          | 13/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 19.83            | TT                  |
| 418 | PHẠM VĂN QUÂN           | 03/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 17.44            | TT                  |
| 419 | DƯƠNG TRẦN ANH QUÂN     | 28/01/2008 |    | KV3 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 19.35            | TT                  |
| 420 | NGUYỄN THANH QUỐC       | 13/09/2008 |    | KV1 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 18.58            | TT                  |
| 421 | NGUYỄN BÙI ANH QUỐC     | 18/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 17.31            | TT                  |
| 422 | DƯƠNG HỮU TIẾN SỸ       | 16/03/2008 |    | KV1 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 17.14            | TT                  |
| 423 | NGUYỄN NHẬT TÂN         | 23/08/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 19.25            | TT                  |
| 424 | LÊ VĂN ANH TÂN          | 19/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 17.78            | TT                  |

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển              | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|---------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 425 | NGUYỄN NGỌC TẤN     | 13/05/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C02        | 20.6             | TT                  |
| 426 | NGUYỄN TRỌNG TIẾN   | 20/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 17.39            | TT                  |
| 427 | NGUYỄN HỒ TÌNH      | 21/06/2008 |    | KV2 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C02        | 20.85            | TT                  |
| 428 | LÊ VĂN TOÁN         | 22/03/2008 |    | KV3 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 15.69            | TT                  |
| 429 | PHAN ĐÌNH TÙNG      | 02/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 17.31            | TT                  |
| 430 | TRẦN TẤN THÀNH      | 27/10/2008 |    | KV1 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C02        | 20.75            | TT                  |
| 431 | TRẦN KIM THAO       | 14/05/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C02        | 19.2             | TT                  |
| 432 | LÊ QUANG THẮNG      | 13/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 16               | TT                  |
| 433 | LÊ QUANG THIÊN      | 20/12/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X02        | 20.75            | TT                  |
| 434 | NGUYỄN LÊ ĐỨC THIÊN | 27/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | D01        | 16               | TT                  |
| 435 | LÊ TOÀN THỊNH       | 10/04/2008 |    | KV2 | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C02        | 18.5             | TT                  |
| 436 | NGUYỄN TRÍ          | 09/01/2008 |    | KV3 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X01        | 17.92            | TT                  |
| 437 | NGUYỄN TẤN TRỌNG    | 23/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X56        | 18.75            | TT                  |
| 438 | PHẠM VINH           | 24/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X26        | 17.5             | TT                  |
| 439 | LÊ QUANG VINH       | 28/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 19.94            | TT                  |

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển              | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|---------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 440 | NGUYỄN VĂN VINH     | 25/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | A00        | 21               | TT                  |
| 441 | BÙI TÁ VŨ           | 07/06/2008 |    | 2NT | PT100          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | C01        | 19.75            | TT                  |
| 442 | DOÃN THỊ HỒNG YẾN   | 17/06/2008 |    | KV3 | PT200          | 7520216DN    | 7520216              | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | X06        | 20.97            | TT                  |
| 443 | NGUYỄN THẾ ANH      | 22/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X07        | 19.89            | TT                  |
| 444 | NGUYỄN BỘI BỘI      | 23/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X03        | 18.67            | TT                  |
| 445 | NGUYỄN THÀNH CHUÔNG | 09/11/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | D07        | 23.38            | TT                  |
| 446 | HUỖNH PHONG HÀO     | 11/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X06        | 18.81            | TT                  |
| 447 | TRẦN QUỐC HỢP       | 01/02/2005 |    | 2NT | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X06        | 16.19            | TT                  |
| 448 | VÕ NGUYỄN PHI HÙNG  | 15/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X05        | 18.64            | TT                  |
| 449 | ĐINH MINH HUY       | 19/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | D07        | 19.56            | TT                  |
| 450 | NGUYỄN THANH LÀI    | 14/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X56        | 17.78            | TT                  |
| 451 | NGUYỄN THỊ LINH     | 12/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X56        | 19.94            | TT                  |
| 452 | ĐẶNG PHƯƠNG LINH    | 24/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X01        | 18.56            | TT                  |
| 453 | TRẦN QUÝ LỘC        | 22/02/2008 | 1  | KV1 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X02        | 19.14            | TT                  |
| 454 | NGUYỄN TRỌNG MINH   | 30/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X05        | 21.58            | TT                  |
| 455 | LÊ QUANG NHẬT MINH  | 11/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X56        | 21.44            | TT                  |
| 456 | VÕ THÀNH NHÂN NGHĨA | 22/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X07        | 22.08            | TT                  |
| 457 | PHẠM NGỌC THANH TÂM | 05/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | A00        | 21.44            | TT                  |
| 458 | TRẦN NGỌC CẨM TIỀN  | 04/05/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X01        | 20.75            | TT                  |
| 459 | TRẦN THANH TIỀN     | 07/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc                          | X05        | 18.67            | TT                  |

| STT | Họ và tên               | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 460 | NGUYỄN TIẾN TỈNH        | 17/01/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc             | X01        | 19.17            | TT                  |
| 461 | NGUYỄN TUYẾN            | 05/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc             | X05        | 20.81            | TT                  |
| 462 | LÊ BÙI NHẬT THY         | 13/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc             | A00        | 23.66            | TT                  |
| 463 | TẠ VŨ KHÁNH THY         | 22/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc             | X26        | 21.69            | TT                  |
| 464 | ĐỖ NGỌC MINH TRÍ        | 11/07/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580101DL    | 7580101              | Kiến trúc             | X03        | 19               | TT                  |
| 465 | NGUYỄN HÀ TRÂN CHÂU     | 03/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X05        | 18.94            | TT                  |
| 466 | NGUYỄN CÔNG ĐẠT         | 27/11/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X01        | 16.86            | TT                  |
| 467 | TRƯƠNG VĂN ĐỨC          | 08/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X02        | 18.03            | TT                  |
| 468 | NGUYỄN NGỌC HƯƠNG GIANG | 13/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | A01        | 20.75            | TT                  |
| 469 | ĐINH NGUYỄN HOÀNG HẢI   | 02/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X01        | 17.61            | TT                  |
| 470 | LÊ HỮU KHẢI HOÀN        | 13/10/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | C01        | 19.39            | TT                  |
| 471 | LÊ DUY HOÀNG            | 06/11/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X26        | 20.92            | TT                  |
| 472 | BÙI LÊ MINH KHÔI        | 15/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X05        | 19.14            | TT                  |
| 473 | LÊ BẢO LÂM              | 04/03/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X06        | 17.19            | TT                  |
| 474 | NGÔ GIA NGUYỄN          | 29/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X07        | 20.67            | TT                  |
| 475 | HÀ NGỌC THU SƠN         | 27/02/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X01        | 20.5             | TT                  |
| 476 | NGUYỄN HỮU TIẾN         | 12/01/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | C01        | 19.35            | TT                  |
| 477 | TRẦN NHẬT TỊNH          | 27/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X56        | 17.56            | TT                  |
| 478 | ĐẶNG TẤN THUẬN          | 24/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X26        | 20.06            | TT                  |
| 479 | NGUYỄN ANH THU          | 06/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X02        | 17.44            | TT                  |
| 480 | CHẾ THỊ BẢO THY         | 01/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580101DN    | 7580101              | Kiến trúc             | X05        | 19               | TT                  |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 481 | NGUYỄN THANH BÌNH     | 25/01/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580103DL    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X27        | 20.5             | TT                  |
| 482 | PHẠM HUỲNH CẨM        | 15/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580103DL    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X02        | 19.44            | TT                  |
| 483 | LÊ HUY KEN            | 10/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580103DL    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X06        | 20.22            | TT                  |
| 484 | TRẦN GIA NHƯ          | 26/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580103DL    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | C02        | 19.11            | TT                  |
| 485 | NGUYỄN THÀNH PHÁT     | 10/11/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580103DL    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | A00        | 19.75            | TT                  |
| 486 | NGUYỄN THÀNH SANG     | 21/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580103DL    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X01        | 18.39            | TT                  |
| 487 | LÊ VĂN TẤN            | 07/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580103DL    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X02        | 15.78            | TT                  |
| 488 | NGUYỄN THỊ THU THẢO   | 01/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580103DL    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X27        | 21.5             | TT                  |
| 489 | NGUYỄN THỊ THU HUYỀN  | 20/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X56        | 21.06            | TT                  |
| 490 | LÊ NGUYỄN TRỌNG KHA   | 25/05/2008 |    | KV3 | PT100          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X02        | 20.25            | TT                  |
| 491 | PHẠM NGUYỄN BẢO NGỌC  | 17/03/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X01        | 21.6             | TT                  |
| 492 | ĐỖ HUY THẢO NGUYỄN    | 27/05/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X05        | 19.78            | TT                  |
| 493 | MAI THỊ LỆ QUYÊN      | 13/09/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | C01        | 18.75            | TT                  |
| 494 | ĐẶNG TRẦN MINH TÂM    | 24/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X07        | 19.67            | TT                  |
| 495 | NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THÙY | 17/11/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X01        | 20.25            | TT                  |
| 496 | NGUYỄN MINH THU       | 12/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X27        | 21.14            | TT                  |
| 497 | TÔ HOÀI TRÂN          | 26/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | C01        | 18.67            | TT                  |
| 498 | LÊ NHÃ UYÊN           | 03/12/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580103DN    | 7580103              | Kiến trúc nội thất    | X01        | 17.06            | TT                  |
| 499 | NGÔ TRƯỞNG BẢO AN     | 25/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 20.06            | TT                  |
| 500 | NGUYỄN MẠNH ANH       | 07/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 20.72            | TT                  |
| 501 | DƯƠNG TRUNG BẢO       | 12/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 19.19            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 502 | ĐOÀN NGUYỄN THÁI BẢO | 12/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 16.19            | TT                  |
| 503 | NGUYỄN MINH CẢNH     | 12/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 21.69            | TT                  |
| 504 | NGUYỄN CHÍ CÔNG      | 07/06/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 19.35            | TT                  |
| 505 | TỔNG MINH CÔNG       | 15/10/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 18.33            | TT                  |
| 506 | NGUYỄN DUY CƯỜNG     | 13/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 16.86            | TT                  |
| 507 | ĐỖ MINH CHÂU         | 29/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 21.92            | TT                  |
| 508 | NGUYỄN TRẦN BỬU CHÂU | 14/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 17               | TT                  |
| 509 | LÊ NGỌC CHUÔNG       | 14/09/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 16               | TT                  |
| 510 | NGUYỄN THÀNH DANH    | 12/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 16.81            | TT                  |
| 511 | HUỖNH QUỐC DUY       | 20/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X07        | 19.56            | TT                  |
| 512 | PHẠM DƯƠNG NHẤT ĐẠI  | 22/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 17.89            | TT                  |
| 513 | BÙI TIẾN ĐẠT         | 07/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 18.61            | TT                  |
| 514 | PHAN THÀNH ĐẠT       | 28/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 16.25            | TT                  |
| 515 | DƯƠNG THÀNH ĐẠT      | 19/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 15.56            | TT                  |
| 516 | PHAN LÊ THÀNH ĐẠT    | 09/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 20.19            | TT                  |
| 517 | TRẦN HẢI ĐĂNG        | 22/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 19.31            | TT                  |
| 518 | TRẦN HUỖNH HIẾU      | 11/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 18.89            | TT                  |
| 519 | LÊ HỮU HIẾU          | 01/03/2007 |    | KV2 | PT100          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 17.75            | TT                  |
| 520 | NGUYỄN TIẾN HÙNG     | 28/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 19.11            | TT                  |
| 521 | NGUYỄN PHI HÙNG      | 02/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X07        | 21.47            | TT                  |
| 522 | ĐÀO MINH HÙNG        | 07/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X03        | 19.75            | TT                  |

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|---------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 523 | LÊ QUỐC HUY         | 04/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 20.14            | TT                  |
| 524 | TRẦN NHẬT HUY       | 29/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 19.61            | TT                  |
| 525 | HUỖNH ĐẶNG GIA HUY  | 28/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 18.33            | TT                  |
| 526 | NGUYỄN QUỐC HUY     | 15/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | D01        | 16.47            | TT                  |
| 527 | TRẦN KHÁNH HUY      | 29/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 18.64            | TT                  |
| 528 | TRẦN PHÁT HUNG      | 02/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 19.61            | TT                  |
| 529 | TRƯƠNG QUỐC HUNG    | 09/04/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 18.75            | TT                  |
| 530 | TRẦN NHẬT KIÊN      | 26/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A01        | 19.08            | TT                  |
| 531 | DƯƠNG NHÃ ANH KIẾT  | 26/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 19.47            | TT                  |
| 532 | CHÂU ANH KIẾT       | 26/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 17.58            | TT                  |
| 533 | PHẠM TẤN KIẾT       | 07/11/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 21.36            | TT                  |
| 534 | ĐỖ QUÂN KỶ          | 03/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 16.67            | TT                  |
| 535 | HUỖNH NGỌC MINH KHA | 05/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 20.03            | TT                  |
| 536 | PHẠM GIA KHANG      | 08/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 21.56            | TT                  |
| 537 | LÊ TRẦN TUẤN KHANH  | 30/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 19.86            | TT                  |
| 538 | NGÔ GIA KHÁNH       | 27/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 19.89            | TT                  |
| 539 | VÕ ANH KHÔI         | 10/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 18.83            | TT                  |
| 540 | LÊ KHÁNH LÂM        | 27/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 19.69            | TT                  |
| 541 | LÊ THÀNH LONG       | 22/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 18.47            | TT                  |
| 542 | NGUYỄN BÁ LỘC       | 25/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 16.72            | TT                  |
| 543 | TRẦN PHƯỚC LỘC      | 13/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 16.53            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 544 | LÊ VĂN LUÂN            | 20/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 18.86            | TT                  |
| 545 | HUỖNH LÊ LỰC           | 13/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 18.42            | TT                  |
| 546 | ĐẶNG ĐỨC MẠNH          | 29/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 20.11            | TT                  |
| 547 | NGUYỄN HOÀNG NAM       | 14/12/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 20.33            | TT                  |
| 548 | LÊ HOÀI NAM            | 17/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A01        | 18.81            | TT                  |
| 549 | VÕ HOÀNG NGHĨA         | 29/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X07        | 20.83            | TT                  |
| 550 | HÀ NGUYỄN TÂN NGHĨA    | 19/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 17.92            | TT                  |
| 551 | LƯƠNG TƯỜNG NGUYÊN     | 22/12/2005 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A01        | 19.11            | TT                  |
| 552 | TRƯƠNG TRUNG NGUYÊN    | 07/05/2008 | 1  | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 20.83            | TT                  |
| 553 | ĐỖ HỮU NHÂN            | 31/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 16.92            | TT                  |
| 554 | TRƯƠNG THÀNH NHÂN      | 01/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 19.69            | TT                  |
| 555 | PHẠM NGỌC NHƠN         | 13/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 19.03            | TT                  |
| 556 | NGUYỄN TRỌNG PHÁP      | 14/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 23.36            | TT                  |
| 557 | NGUYỄN HOÀNG TÂN PHÁT  | 19/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 19.72            | TT                  |
| 558 | NGUYỄN HỮU PHÁT        | 08/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 17.44            | TT                  |
| 559 | NGÔ QUỐC PHI           | 18/10/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 20               | TT                  |
| 560 | NGUYỄN BÁ PHI          | 14/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | D01        | 19.22            | TT                  |
| 561 | LÊ TRẦN THÁI PHONG     | 13/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 19.11            | TT                  |
| 562 | PHAN NGUYỄN QUỐC PHONG | 22/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 17.97            | TT                  |
| 563 | PHAN TRỌNG PHÚ         | 02/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 19.97            | TT                  |
| 564 | NGUYỄN VĂN PHÚC        | 21/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 19.83            | TT                  |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 565 | TRẦN ĐỨC PHƯỚC        | 07/05/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X27        | 20.19            | TT                  |
| 566 | CAO HOÀNG PHƯỚC       | 18/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A01        | 19.47            | TT                  |
| 567 | NGUYỄN THÀNH QUANG    | 11/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 18               | TT                  |
| 568 | PHAN MẠNH QUÂN        | 01/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 17.94            | TT                  |
| 569 | NGUYỄN MINH QUÝ       | 20/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 20.64            | TT                  |
| 570 | HUỲNH NGỌC QUYỀN      | 17/03/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 20.11            | TT                  |
| 571 | NGUYỄN ĐỨC QUỲNH      | 29/03/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 20.83            | TT                  |
| 572 | HỒ TUẤN REN           | 15/04/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 22.39            | TT                  |
| 573 | TRƯƠNG THẾ SANG       | 09/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 19.81            | TT                  |
| 574 | NGUYỄN NGỌC SỸ        | 31/01/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 18.25            | TT                  |
| 575 | DƯƠNG TẤN TÀI         | 23/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 18.17            | TT                  |
| 576 | NGUYỄN THÀNH TÀI      | 02/12/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 17.35            | TT                  |
| 577 | NGUYỄN XUÂN TÀU       | 13/08/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 22.17            | TT                  |
| 578 | NGUYỄN THÁI HOÀNG TÂM | 18/04/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X03        | 18               | TT                  |
| 579 | PHẠM VŨ NGỌC TÂM      | 29/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X07        | 17.97            | TT                  |
| 580 | LÊ HÀ TIỀN            | 22/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 20.39            | TT                  |
| 581 | LÊ THÀNH TIẾN         | 13/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X07        | 18.86            | TT                  |
| 582 | NGUYỄN THÀNH TIẾN     | 05/10/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 16.92            | TT                  |
| 583 | NGUYỄN QUỐC MẠNH TIẾN | 19/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X05        | 19.31            | TT                  |
| 584 | NGUYỄN THANH TÍN      | 28/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 17.06            | TT                  |
| 585 | HUỲNH TUẤN TÚ         | 28/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A01        | 17.42            | TT                  |

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|---------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 586 | ĐIỂM HOÀNG ANH TUẤN | 27/05/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X05        | 20.14            | TT                  |
| 587 | TRẦN ANH TUẤN       | 29/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 18.11            | TT                  |
| 588 | NGUYỄN TẤN TÙNG     | 27/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X03        | 18.56            | TT                  |
| 589 | NGUYỄN ĐÌNH TÙNG    | 25/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | D07        | 17.86            | TT                  |
| 590 | VÕ CHÍ THANH        | 18/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X05        | 19.67            | TT                  |
| 591 | TRẦN QUỐC THÀNH     | 23/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 19.83            | TT                  |
| 592 | NGÔ VĂN THÀNH       | 17/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 16.72            | TT                  |
| 593 | PHẠM VĂN THẬT       | 03/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 20.72            | TT                  |
| 594 | HUỲNH NGỌC THIÊN    | 17/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 22.39            | TT                  |
| 595 | HUỲNH TẤN THỊNH     | 08/09/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 22.25            | TT                  |
| 596 | TRẦN TIẾN THỊNH     | 22/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 21.5             | TT                  |
| 597 | TRÌNH PHÚC THỊNH    | 08/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X05        | 19.19            | TT                  |
| 598 | TRẦN NGUYỄN THƠ     | 25/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 21.42            | TT                  |
| 599 | HÀ THỊ BÍCH TRÂM    | 15/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 21.5             | TT                  |
| 600 | TRƯƠNG LÊ LÂM TRIỀU | 11/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 22.19            | TT                  |
| 601 | TRẦN QUỐC TRỌNG     | 21/11/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 19.81            | TT                  |
| 602 | HUỲNH NGỌC TRUNG    | 26/08/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 16.86            | TT                  |
| 603 | TRẦN THẾ TRƯỜNG     | 11/06/2007 | 1  | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 23.58            | TT                  |
| 604 | KIỀU THẾ VĂN        | 17/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 19.39            | TT                  |
| 605 | NGUYỄN MINH VỆ      | 06/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X05        | 18.31            | TT                  |
| 606 | NGUYỄN NGÔ ANH VĨ   | 31/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 18.03            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 607 | LƯU NHẬT HOÀI VŨ       | 31/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 22.39            | TT                  |
| 608 | TRẦN VI VŨ             | 18/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | D01        | 16.56            | TT                  |
| 609 | PHAN HOÀNG GIA VỸ      | 03/12/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DL    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | D07        | 18.53            | TT                  |
| 610 | NGUYỄN NGỌC ANH        | 01/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 20.47            | TT                  |
| 611 | VĂN TUẤN ANH           | 20/12/2007 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 18.53            | TT                  |
| 612 | TRỊNH QUỐC GIA BẢO     | 06/02/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 18.22            | TT                  |
| 613 | NGUYỄN LÍP BÔN         | 09/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 20.97            | TT                  |
| 614 | PHẠM QUỐC CƯỜNG        | 10/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 17.28            | TT                  |
| 615 | LÊ THÁI CHÂU           | 22/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X27        | 22.39            | TT                  |
| 616 | NGUYỄN ĐĂNG CHÂU       | 12/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X07        | 19.94            | TT                  |
| 617 | TRẦN MINH CHIẾN        | 01/01/2007 |    | KV1 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X05        | 22.14            | TT                  |
| 618 | NGUYỄN VIỆT DŨNG       | 27/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 18.06            | TT                  |
| 619 | ĐẶNG NGÔ GIA DUY       | 28/01/2007 |    | KV2 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 19               | TT                  |
| 620 | TRẦN ĐÌNH NAM DUY      | 08/05/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 21.39            | TT                  |
| 621 | LÊ VĂN DƯƠNG           | 11/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 19.97            | TT                  |
| 622 | ĐẶNG PHƯỚC ĐẠO         | 27/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X03        | 19.31            | TT                  |
| 623 | LÊ THÀNH ĐẠT           | 27/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 22.08            | TT                  |
| 624 | HOÀNG NGUYỄN KHÁNH ĐẠT | 15/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 20.81            | TT                  |
| 625 | NGUYỄN TRẦN BÁ ĐẠT     | 22/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 17.89            | TT                  |
| 626 | NGUYỄN KHẮC ĐẠT        | 27/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 21.19            | TT                  |
| 627 | TRẦN HOÀNG GIANG       | 26/02/2008 | 1  | KV1 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 21.47            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 628 | NGUYỄN VĂN QUANG HẢI | 15/12/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 17.5             | TT                  |
| 629 | NGUYỄN QUỐC HÀO      | 06/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 17.86            | TT                  |
| 630 | NGÔ CÔNG HẬU         | 14/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X03        | 18.78            | TT                  |
| 631 | NGUYỄN THANH HIỂN    | 05/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 17.5             | TT                  |
| 632 | LÊ THÁI HIẾU         | 05/06/2007 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X26        | 16.33            | TT                  |
| 633 | VÕ HẢI HOÀN          | 09/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 18.51            | TT                  |
| 634 | NGÔ HUY HOÀNG        | 14/11/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 18               | TT                  |
| 635 | PHẠM NGỌC HÙNG       | 09/03/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 20               | TT                  |
| 636 | PHẠM VŨ GIA HUNG     | 25/03/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X05        | 18.14            | TT                  |
| 637 | NGUYỄN QUỐC HUNG     | 18/05/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 18.75            | TT                  |
| 638 | NGUYỄN ANH KIẾT      | 21/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X05        | 18.61            | TT                  |
| 639 | HỒ LÊ CÔNG KHẢI      | 26/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 20.69            | TT                  |
| 640 | HOÀNG TẤN KHẢI       | 20/12/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 20.5             | TT                  |
| 641 | NGUYỄN VĂN KHANG     | 12/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | D07        | 20.86            | TT                  |
| 642 | NGUYỄN DUY KHANG     | 13/11/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 20               | TT                  |
| 643 | NGUYỄN BẢO KHANH     | 14/05/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 17.44            | TT                  |
| 644 | LÊ TUẤN KHANH        | 29/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 18.31            | TT                  |
| 645 | NGUYỄN DUY KHÁNH     | 08/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 19.78            | TT                  |
| 646 | DƯƠNG PHAN ĐĂNG KHOA | 11/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X02        | 17.39            | TT                  |
| 647 | PHAN MINH KHÔI       | 04/02/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X03        | 19.25            | TT                  |
| 648 | HỒ VIỆT LAI          | 08/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X07        | 18.47            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 649 | PHẠM NGỌC LONG       | 26/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | D07        | 17.28            | TT                  |
| 650 | HOÀNG TRẦN LONG      | 30/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 19.69            | TT                  |
| 651 | NGUYỄN THÀNH LUÂN    | 20/05/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 18.5             | TT                  |
| 652 | NGUYỄN TRỌNG NGHĨA   | 29/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X05        | 21.25            | TT                  |
| 653 | TRẦN THỨC NGUYỄN     | 21/03/2008 |    | KV1 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 17.75            | TT                  |
| 654 | TRẦN VĂN NGUYỄN      | 06/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 17.92            | TT                  |
| 655 | PHẠM TẤN NHÂN        | 07/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 19.67            | TT                  |
| 656 | HUỖNH LONG NHẬT      | 15/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A01        | 20.17            | TT                  |
| 657 | NGUYỄN TIẾN NHẬT     | 21/07/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 20.6             | TT                  |
| 658 | PHAN LÂM NHẬT        | 09/03/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C02        | 19.25            | TT                  |
| 659 | TỪ HOÀNG NHẬT        | 01/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 18.83            | TT                  |
| 660 | ĐẶNG VÕ TẤN PHÁT     | 01/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X01        | 17.75            | TT                  |
| 661 | VÕ LÊ PHI            | 19/02/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 19.03            | TT                  |
| 662 | VÕ HỒNG QUÂN         | 19/05/2006 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X56        | 18.06            | TT                  |
| 663 | HOÀNG MẠNH QUÂN      | 28/05/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 19.75            | TT                  |
| 664 | TRẦN NGỌC KIẾN QUỐC  | 20/11/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 17.97            | TT                  |
| 665 | NGUYỄN TẤN QUÝ       | 15/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 19.94            | TT                  |
| 666 | NGUYỄN ĐỖ THÀNH TÀI  | 30/10/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 16.25            | TT                  |
| 667 | TRẦN PHƯỚC TÂN       | 06/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | A00        | 17.36            | TT                  |
| 668 | HUỖNH TRẦN MINH TOÀN | 12/06/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | C01        | 19.22            | TT                  |
| 669 | NGUYỄN VIẾT TÚ       | 12/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng     | X06        | 21.25            | TT                  |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển                   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 670 | NGUYỄN ANH TUẤN       | 24/08/2007 |    | KV1 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X06        | 20.75            | TT                  |
| 671 | NGUYỄN NGỌC THẠCH     | 15/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X01        | 19.06            | TT                  |
| 672 | LÊ NGUYỄN HOÀNG THÁI  | 22/10/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | C01        | 18.75            | TT                  |
| 673 | HỒ VĂN THỊNH          | 25/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | C01        | 16.17            | TT                  |
| 674 | LÊ THỊ HOÀNG THU'     | 11/07/2007 |    | KV3 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | C01        | 16               | TT                  |
| 675 | NGUYỄN ĐÌNH TRUNG     | 18/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X06        | 19.61            | TT                  |
| 676 | TRẦN ĐOÀN PHƯỚC TRỰC  | 27/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X56        | 19.58            | TT                  |
| 677 | NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG    | 18/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X06        | 19.92            | TT                  |
| 678 | TRẦN VĨNH TRƯỜNG      | 10/01/2007 |    | 2NT | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X01        | 19.5             | TT                  |
| 679 | LÊ QUANG TRƯỜNG       | 14/01/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X02        | 17.5             | TT                  |
| 680 | VŨ HUY TRƯỜNG         | 20/10/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X05        | 19.56            | TT                  |
| 681 | TRẦN QUANG VINH       | 13/03/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X05        | 19.64            | TT                  |
| 682 | NGUYỄN QUANG HUY VŨ   | 15/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X06        | 21.67            | TT                  |
| 683 | PHAN CẢNH ANH VŨ      | 16/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580201DN    | 7580201              | Kỹ thuật xây dựng                       | X06        | 17.14            | TT                  |
| 684 | HUỶNH PHÚC AN         | 06/10/2007 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X02        | 18.72            | TT                  |
| 685 | HỒ GIA BẢO            | 23/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | A00        | 21.5             | TT                  |
| 686 | DƯƠNG GIA BẢO         | 23/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X06        | 19.78            | TT                  |
| 687 | VŨ TRỌNG ĐẠI          | 22/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X07        | 20.53            | TT                  |
| 688 | TRẦN NGUYỄN HOÀNG HẢI | 10/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X07        | 19.36            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển                   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 689 | PHAN GIA HÀO         | 21/08/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | D01        | 19.25            | TT                  |
| 690 | TRẦN QUỐC HIÊN       | 05/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X05        | 22.25            | TT                  |
| 691 | BÙI PHI HÙNG         | 10/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | D01        | 18.58            | TT                  |
| 692 | NGUYỄN LÊ TRƯỜNG HUY | 03/05/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | C02        | 21.44            | TT                  |
| 693 | VĂN PHÚ HỮU          | 18/02/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X01        | 19.6             | TT                  |
| 694 | HUỖNH TUẤN KIẾT      | 10/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X02        | 17.36            | TT                  |
| 695 | NGUYỄN MINH KHA      | 25/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X56        | 23.26            | TT                  |
| 696 | ĐẶNG CẢNH NGUYỄN     | 01/11/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X06        | 18.83            | TT                  |
| 697 | PHAN THIÊN NHÂN      | 25/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X26        | 19.14            | TT                  |
| 698 | TRẦN KỲ PHONG        | 20/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | A00        | 19.25            | TT                  |
| 699 | NGUYỄN BẢO QUỐC      | 04/05/2007 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X02        | 17.64            | TT                  |
| 700 | LÊ THANH SANG        | 10/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | A00        | 18.36            | TT                  |
| 701 | NGUYỄN ĐỨC TÂN       | 24/06/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X26        | 21.64            | TT                  |
| 702 | NGUYỄN NHẬT TÂN      | 04/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X01        | 18.31            | TT                  |
| 703 | NGUYỄN ANH TÚ        | 24/05/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | C02        | 18.75            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển                   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 704 | TRƯƠNG CÔNG THÀNH    | 10/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X07        | 22.42            | TT                  |
| 705 | LÊ HỮU THẮNG         | 01/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X05        | 21               | TT                  |
| 706 | ĐOÀN MINH THẮNG      | 07/02/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X02        | 18.44            | TT                  |
| 707 | NGUYỄN QUỐC THỊNH    | 25/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X05        | 17.44            | TT                  |
| 708 | NGUYỄN ĐỨC THỌ       | 09/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DL    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | A00        | 21.72            | TT                  |
| 709 | NGUYỄN TRƯỜNG AN     | 12/07/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X01        | 18.1             | TT                  |
| 710 | ĐỖ GIA BẢO           | 19/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X06        | 19.11            | TT                  |
| 711 | HUỖNH KIM CÔNG       | 09/07/2008 | 5  | KV2 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X06        | 21.69            | TT                  |
| 712 | HUỖNH DUY ĐẠT        | 14/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X06        | 19.47            | TT                  |
| 713 | HUỖNH NGỌC PHONG HÀO | 13/04/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X06        | 19.5             | TT                  |
| 714 | NGUYỄN TRUNG HIẾU    | 28/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X27        | 18.69            | TT                  |
| 715 | ĐẶNG MINH HÒA        | 04/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X05        | 18.75            | TT                  |
| 716 | VƯƠNG HÙNG HOÀNG     | 27/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X05        | 20.83            | TT                  |
| 717 | NGUYỄN NGỌC QUỐC HUY | 18/09/2006 |    | KV3 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | A00        | 20.75            | TT                  |
| 718 | NGUYỄN LÊ TUẤN KIẾT  | 07/11/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X56        | 19.56            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển                   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 719 | LÊ DUY KHANG         | 17/10/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X05        | 19.83            | TT                  |
| 720 | LÊ ĐẠI NAM           | 21/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X02        | 16.08            | TT                  |
| 721 | NGUYỄN DUY NHÂN      | 28/12/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | C01        | 17.25            | TT                  |
| 722 | PHẠM NGỌC TRUNG NHẬT | 31/01/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X56        | 18.86            | TT                  |
| 723 | HUỖNH LONG PHÁT      | 26/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X56        | 21.03            | TT                  |
| 724 | LÒ MINH QUANG        | 15/09/2008 | 1  | KV1 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | A00        | 18.03            | TT                  |
| 725 | NGÔ VĂN VINH QUÂN    | 02/05/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X03        | 20.5             | TT                  |
| 726 | TRẦN ANH QUỐC        | 03/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X06        | 19.97            | TT                  |
| 727 | DƯƠNG THỊ DIỄM QUỲNH | 23/09/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X01        | 20               | TT                  |
| 728 | TRẦN VĂN TÀI         | 28/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | D07        | 18.89            | TT                  |
| 729 | LÊ VŨ ANH TUẤN       | 14/04/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X02        | 16.42            | TT                  |
| 730 | HUỖNH THỊ BÍCH THUY  | 21/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | C01        | 18.22            | TT                  |
| 731 | NGUYỄN ĐỨC TRÂN      | 22/09/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | A01        | 20.06            | TT                  |
| 732 | TRẦN MINH TRUNG      | 28/05/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580205DN    | 7580205              | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | X01        | 20.36            | TT                  |
| 733 | PHAN TUẤN KIẾT       | 02/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580213DL    | 7580213              | Kỹ thuật cấp thoát nước                 | A00        | 18.22            | TT                  |
| 734 | NGUYỄN MINH KÍNH     | 13/04/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580213DL    | 7580213              | Kỹ thuật cấp thoát nước                 | A00        | 22.99            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển   | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-------------------------|------------|------------------|---------------------|
| 735 | TRẦN ĐỨC KHIÊM         | 30/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580213DL    | 7580213              | Kỹ thuật cấp thoát nước | A00        | 20.28            | TT                  |
| 736 | NGUYỄN TRẦN NHẬT MINH  | 17/07/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580213DL    | 7580213              | Kỹ thuật cấp thoát nước | C01        | 16.85            | TT                  |
| 737 | CAO THÀNH NAM          | 24/05/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580213DL    | 7580213              | Kỹ thuật cấp thoát nước | X06        | 22.78            | TT                  |
| 738 | TRẦN HOÀNG THIÊN       | 05/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580213DL    | 7580213              | Kỹ thuật cấp thoát nước | D07        | 16.78            | TT                  |
| 739 | NGUYỄN THÀNH NAM       | 03/08/2007 |    | KV1 | PT200          | 7580213DN    | 7580213              | Kỹ thuật cấp thoát nước | X05        | 22.75            | TT                  |
| 740 | LÊ VIỆT HUYỀN BĂNG     | 14/09/2007 |    | KV2 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | A01        | 18.61            | TT                  |
| 741 | NGUYỄN XUÂN BÌNH       | 09/11/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | A01        | 23.72            | TT                  |
| 742 | VÕ MINH HÒA            | 20/10/2006 |    | KV2 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | A00        | 18.06            | TT                  |
| 743 | NGUYỄN NGỌC KHANG      | 12/03/2008 | 6  | 2NT | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | X56        | 18.78            | TT                  |
| 744 | NGUYỄN DUY KHÁNH       | 28/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | X01        | 15.89            | TT                  |
| 745 | TRẦN NGUYỄN HOÀNG LINH | 08/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | X02        | 15.86            | TT                  |
| 746 | NGUYỄN KHÁNH LINH      | 06/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | A00        | 17.53            | TT                  |
| 747 | NGUYỄN THÀNH LONG      | 14/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | A00        | 22.61            | TT                  |
| 748 | PHẠM HOÀNG LONG        | 21/07/2007 |    | KV2 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | A01        | 19.11            | TT                  |
| 749 | HOÀNG KHÁNH LY         | 02/01/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | C02        | 21.25            | TT                  |
| 750 | THÁI VĂN ANH MẠNH      | 14/11/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | X06        | 19.64            | TT                  |
| 751 | TRẦN KHỎI MY           | 04/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | X06        | 21.81            | TT                  |
| 752 | NGUYỄN BẢO NGỌC        | 15/08/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | X01        | 18.6             | TT                  |
| 753 | TRẦN LÊ KHÁNH NGỌC     | 14/05/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | A00        | 24.2             | TT                  |
| 754 | LÊ MINH NHẬT           | 21/09/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | X01        | 20.85            | TT                  |
| 755 | CAO THỊ QUỲNH OANH     | 26/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng        | X05        | 23.03            | TT                  |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 756 | ĐOÀN ĐỖ PHÚ QUÝ       | 04/03/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X56        | 21.22            | TT                  |
| 757 | NGUYỄN THÀNH TÂM      | 13/04/2008 | 5  | KV2 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | A01        | 23.08            | TT                  |
| 758 | NGUYỄN DUY TOÀN       | 25/11/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X01        | 19.5             | TT                  |
| 759 | NGUYỄN NGỌC TÂY THI   | 06/04/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X07        | 21.58            | TT                  |
| 760 | LÊ VĂN THUẬN          | 11/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X27        | 19.61            | TT                  |
| 761 | ĐINH THỊ ANH THU      | 11/07/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X02        | 18.58            | TT                  |
| 762 | HOÀNG THỊ TÚ TRANG    | 11/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X05        | 21.5             | TT                  |
| 763 | LÊ NGUYỄN THÙY TRÂN   | 04/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X02        | 18.56            | TT                  |
| 764 | NGÔ NGỌC BẢO TRÂN     | 23/03/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580301DL    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X02        | 20.28            | TT                  |
| 765 | TRẦN MINH BÌNH        | 07/09/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X06        | 20.14            | TT                  |
| 766 | NGUYỄN THỊ LINH DUYÊN | 20/01/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X01        | 18.72            | TT                  |
| 767 | LÊ THỊ NHẬT LỆ        | 14/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X07        | 21.11            | TT                  |
| 768 | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG LONG | 24/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | A00        | 19               | TT                  |
| 769 | NGUYỄN HỒ PHƯƠNG NGÀ  | 16/04/2008 |    | KV3 | PT100          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X02        | 17.35            | TT                  |
| 770 | HUỖNH NGỌC YẾN NHI    | 09/12/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X01        | 17.44            | TT                  |
| 771 | NGUYỄN THỊ KIỀU OANH  | 14/09/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X07        | 21.53            | TT                  |
| 772 | TRƯƠNG QUANG TIẾN     | 14/07/2007 |    | KV2 | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X26        | 19.39            | TT                  |
| 773 | PHAN VĂN THÀNH        | 14/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X56        | 18.97            | TT                  |
| 774 | DƯƠNG ANH THẮNG       | 16/06/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | X06        | 20.81            | TT                  |
| 775 | HOÀNG QUẢNG TRUNG     | 21/04/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580301DN    | 7580301              | Kinh tế xây dựng      | C02        | 16.58            | TT                  |
| 776 | LÊ TIẾN ĐẠT           | 16/06/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X56        | 18.14            | TT                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|------------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 777 | DƯƠNG QUỐC NGUYỄN ĐĂNG | 22/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X01        | 17.11            | TT                  |
| 778 | ĐỒNG GIA HUY           | 03/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X27        | 19.28            | TT                  |
| 779 | TRẦN ĐOÀN GIA HUY      | 11/06/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X05        | 18.53            | TT                  |
| 780 | TRẦN NGỌC ĐĂNG KHOA    | 28/02/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X27        | 19.17            | TT                  |
| 781 | HUỶNH TẤN LỢI          | 16/11/2006 |    | KV2 | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | A00        | 19.28            | TT                  |
| 782 | NGUYỄN THIỆN NHÂN      | 29/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | A00        | 20.58            | TT                  |
| 783 | NGUYỄN NGỌC TÂM        | 05/08/2008 |    | 2NT | PT100          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X01        | 17.85            | TT                  |
| 784 | TRẦN NHẬT TÂY          | 24/12/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X01        | 18.75            | TT                  |
| 785 | NGÔ TRẦN HOÀNG THỊNH   | 08/09/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | C01        | 16.85            | TT                  |
| 786 | LÊ XUÂN THỊNH          | 01/05/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X05        | 21.19            | TT                  |
| 787 | NGUYỄN TRUNG TRỰC      | 18/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X01        | 16.19            | TT                  |
| 788 | NGUYỄN HỮU TRƯỜNG      | 13/09/2007 |    | KV1 | PT200          | 7580302DL    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X06        | 23.28            | TT                  |
| 789 | NGUYỄN QUANG ANH       | 05/02/2007 |    | KV3 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | A00        | 20.83            | TT                  |
| 790 | LÊ VĂN DŨNG            | 29/07/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X05        | 17.14            | TT                  |
| 791 | HUỶNH ĐẠI DƯƠNG        | 17/11/2008 |    | KV3 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X56        | 17               | TT                  |
| 792 | NGUYỄN ĐỖ MINH ĐĂNG    | 24/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | D07        | 20.89            | TT                  |
| 793 | ĐOÀN MINH HIẾU         | 27/11/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X26        | 17.83            | TT                  |
| 794 | TRẦN NGỌC MINH HỒNG    | 14/10/2008 |    | KV1 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X06        | 20.36            | TT                  |
| 795 | ĐÀM KHÁNH HÙNG         | 21/11/2007 | 1  | KV1 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X01        | 17.81            | TT                  |
| 796 | NGUYỄN ĐĂNG KHOA       | 29/10/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X01        | 19.06            | TT                  |
| 797 | NGUYỄN THÀNH LÂM       | 21/02/2007 |    | 2NT | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X56        | 19.72            | TT                  |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | ĐT | KV  | Phương thức TT | Mã xét tuyển | Mã ngành trúng tuyển | Tên ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm trúng tuyển | Kết quả trúng tuyển |
|-----|----------------------|------------|----|-----|----------------|--------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------|---------------------|
| 798 | NGUYỄN THẢO MI       | 10/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X02        | 16.56            | TT                  |
| 799 | NGUYỄN HOÀNG THẢO MY | 16/04/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X56        | 19.53            | TT                  |
| 800 | VÕ THÀNH NHÂN        | 01/08/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | A00        | 20.47            | TT                  |
| 801 | DƯƠNG ĐẠI PHÁT       | 20/01/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | C02        | 18.22            | TT                  |
| 802 | TRẦN ANH QUÂN        | 13/10/2008 |    | KV2 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X01        | 17.89            | TT                  |
| 803 | DƯƠNG XUÂN SANG      | 16/06/2008 |    | 2NT | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | D07        | 21.06            | TT                  |
| 804 | PHẠM VĂN TÀI         | 19/09/2008 | 1  | KV1 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X01        | 18.25            | TT                  |
| 805 | LÊ ĐẶNG ANH VŨ       | 14/10/2008 |    | KV2 | PT100          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | C01        | 17.6             | TT                  |
| 806 | BÙI THỊ NHƯ Ý        | 20/03/2007 |    | KV1 | PT200          | 7580302DN    | 7580302              | Quản lý xây dựng      | X01        | 19.06            | TT                  |

***Tổng số thí sinh trúng tuyển : 806 thí sinh***